

Bản án số:116/2023/HS-ST
Ngày 28-08 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Song Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trí

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trịnh Thúy An -Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 488/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1993 tại H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ở: Số 13/209 T, tổ 1 phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có chồng là Vũ Văn H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 18/3/2023; tạm giam ngày 27/3/2023; có mặt.

2. Nguyễn Thế C (tên gọi khác Càng), sinh ngày 17 tháng 3 năm 1982 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 2 Thôn L, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ở: Số 1035 T, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế C và bà Bùi Thị H; có vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: bản án số 11/2008/HSST của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, 60 tháng thử thách về tội Vi phạm quy định về điều

khẩn phương tiện giao thông đường bộ (đã xóa); bản án số 09/2017/ HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C bằng xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa). Bị tạm giữ ngày 19/3/2023; tạm giam ngày 27/3/2023; có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị Đ (tên gọi khác Trần Thị N), sinh năm 1960, địa chỉ: Số 6/9/20 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994 là con trai và Nguyễn Mai L, sinh 1998 là bạn gái của S đang bị công an quận K bắt về hành vi liên quan đến ma túy nên bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1960, nơi cư trú: 6/9/20 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng đã liên lạc với Nguyễn Hải V là chị gái của L để nhờ V giúp lo việc xin giảm nhẹ tội cho con trai bà là Nguyễn Hồng S. Do không có tiền ăn tiêu nên Nguyễn Hải V đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Đ. V bàn bạc với Nguyễn Thế C để C giả danh là cán bộ Công an quận K đến gặp hoặc gọi điện cho bà Đ nói là có thể xin giảm nhẹ tội để nhiều lần chiếm đoạt tiền của bà Đ. Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 18/3/2023, Nguyễn Hải V đến nhà bà Đ yêu cầu bà Đ đưa cho V 50.000.000 đồng để lo “chạy án”. Bà Đ đưa cho V 10.000.000 đồng và bảo V viết lại số tài khoản để bà Đ chuyển nốt tiền. Khi V viết lại số tài khoản ngân hàng đưa cho bà Đ và đang cầm 10.000.000 đồng trên tay thì bị Công an phường N, quận L, Hải Phòng bắt quả tang, thu giữ của V số tiền 10.000.000 đồng, 01 tờ lịch trên mặt sau ghi thông tin số tài khoản ngân hàng của V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ là tài sản của V.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 3/2/2023, Nguyễn Hải V biết tin em gái của V là Nguyễn Mai L cùng bạn trai là Nguyễn Hồng S bị Công an quận K, Hải Phòng bắt về hành vi liên quan đến ma túy. Do không có tiền ăn tiêu, V đã nhiều lần nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị Đ (mẹ của S), cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/02/2023, V liên hệ với Nguyễn Thế C và bàn với C để C giả danh là cán bộ Công an quận K để lừa tiền của bà Đ, C đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, V và C đến nhà bà Đ tại số 6/9/20 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. V và C đều giới thiệu C là cán bộ Công an quận K và có thể lo xin nhẹ tội cho S và L. C yêu cầu bà Đ đưa cho C 2.000.000 đồng để lo tiền thuốc nước. Bà Đ tin tưởng đưa cho C 2.000.000 đồng và đưa thêm 500.000 đồng cho C nói là tiền xăng xe. C nhận 2.500.000 đồng của bà Đ và đi về nhà trọ của C tại số 1035 T, phường V, quận K, Hải Phòng. Tại nhà trọ, C đưa cho V 500.000 đồng. C cầm 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Ngày 07/02/2023, khi C đang ngồi tại quán nước vỉa hè khu vực Q, quận K, Hải Phòng cùng với Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975, chỗ ở hiện nay: Đ,

phường Đ, quận D, Hải Phòng thì bà Đ gọi điện thoại cho C để hỏi C có lo được việc không. C đưa điện thoại vào tai H thì H nói không biết việc gì mà lo. Sau đó C tiếp tục nói chuyện với bà Đ yêu cầu bà Đ đưa cho C thêm 5.000.000 đồng để C mời người xin nhẹ tội cho S đi ăn uống. Bà Đ tin tưởng và bảo C đến nhà bà Đ lấy tiền. Khoảng 18 giờ ngày 08/2/2023, C đi một mình đến nhà bà Đ lấy 5.000.000 đồng và tiêu xài một mình hết số tiền trên. V không biết việc C chiếm đoạt của bà Đ số tiền trên.

Lần 3: Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2023, V đến nhà bà Đ yêu cầu bà Đ đưa cho V 10.000.000 đồng để chuyển tiền cho người tên là Q cán bộ quản giáo của Trại tạm giam ở C để lo cho S và L trong trại (do V tự nghĩ ra). Bà Đ tin tưởng V và đưa cho V 10.000.000 đồng. V đã tiêu xài một mình hết số tiền trên.

Lần 4: Khoảng 18 giờ ngày 14/02/2023, V đến nhà bà Đ yêu cầu bà Đ đưa cho V 25.000.000 đồng để chuyển tiền đặt cọc cho người tên là T - Thư ký Tòa án nhân dân quận K (do V tự nghĩ ra) để xin nhẹ tội cho S và L. Bà Đ tin tưởng V và đưa cho V 25.000.000 đồng. V đã tiêu xài một mình hết số tiền trên.

Lần 5: Khoảng 16 giờ ngày 17/02/2023, V bàn bạc với Vần Ngọc L, sinh năm: 1993, đăng ký nhân khẩu thường trú: xã T, huyện A, Hải Phòng để tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Đ. Sau đó L gọi điện cho bà Đ giả danh là T - Thư ký Tòa án quận K An để xin nhẹ tội cho S và L. Bà Đ tin tưởng và cùng V đi đến cửa hàng Viettel tại 295 T, phường N, quận L, Hải Phòng. Tại cửa hàng, bà Đ đưa 100.000.000 đồng để V nộp tiền vào tài khoản số 9704229231416558 mở tại Ngân hàng Quân đội là tài khoản cá nhân của V. Sau khi chiếm đoạt được tiền của bà Đ, V đã chuyển 19.000.000 đồng cho Vần Ngọc L. Số tiền còn lại V đã tiêu xài một mình hết.

Lần 6: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 18/3/2023, V đến nhà bà Đ yêu cầu bà Đ đưa cho V 50.000.000 đồng để lo “chạy án” cho S. Khi Bà Đ đưa cho V 10.000.000 đồng thì bị Công an phường N, quận L, Hải Phòng bắt quả tang như nội dung trên.

Như vậy, V và C cùng chiếm đoạt của bà Đ số tiền 2.500.000 đồng. Tổng số tiền một mình V lừa đảo chiếm đoạt của bà Đ là 145.000.000 đồng; số tiền một mình Nguyễn Thế C lừa đảo chiếm đoạt của bà Đ là 5.000.000 đồng. Tổng cộng V đã chiếm đoạt số tiền 147.500.000 đồng, C chiếm đoạt số tiền 7.500.000 đồng của bà Đ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hải V, Nguyễn Thế C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên.

Bị hại bà Trần Thị Đ cũng đã khai báo và thừa nhận như nội dung trên và yêu cầu Nguyễn Hải V phải bồi thường cho bà số tiền 132.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bà.

Đối với Nguyễn Văn H không biết và không bàn bạc gì với C về việc lừa đảo

chiếm đoạt tiền của bà Đ, Hòa cũng không được chia số tiền C chiếm đoạt của bà Đ nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn H về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về việc Nguyễn Hải V khai ngày 16/02/2023 V có bàn bạc với Văn Ngọc L để L giả danh là T - Thư ký Tòa án nhân dân quận K và bảo bà Đ đưa cho V 100 triệu đồng để lo “chạy án” cho S, L. Sau khi chiếm đoạt tiền của bà Đ, V đã chuyển 19.000.000 đồng cho Văn Ngọc L. Ngoài ra bà Đ khai có một nữ giới tên T gọi điện cho bà Đ giới thiệu làm ở Tòa án K đang lo việc “chạy án” cho Sơn và yêu cầu bà Đ chuyển tiền cho T, bà Đ tin tưởng và đã chuyển cho T 5 lần vào các ngày 19, 22, 24, 27/02/2023 và ngày 04/3/2023 vào tài khoản số 0961135453 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, chủ tài khoản Nguyễn Thị Thu H và tài khoản số 0879070591 mở tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng, chủ tài khoản Phạm Thị Q với tổng số tiền 52.000.000 đồng. Hiện Văn Ngọc L vắng mặt tại nơi cư trú, và chưa xác định được lai lịch của T, chưa có căn cứ xác định T và Văn Ngọc L có phải cùng một người không. Cơ quan điều tra đã đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội và Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến các số tài khoản trên nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. Đến thời điểm hiện tại ngoài lời khai của V chưa có tài liệu chứng cứ khác chứng minh hành vi phạm tội của Văn Ngọc L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã tách hồ sơ có liên quan đến Văn Ngọc L tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Cáo trạng số 113/CT-VKSLC ngày 12 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đã truy tố bị cáo Nguyễn Hải V về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Thế C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thế C khai nhận: Do muốn có tiền ăn tiêu nên sau khi được V rủ C đã đồng ý cùng V dung thủ đoạn gian dối tạo lòng tin để chiếm đoạt tiền của bà Đ 2.500.000 đồng. C đã chia cho V số tiền 500.000 đồng. Sau đó C còn tự mình chiếm đoạt 5.000.000 đồng của bà Đ và đã chi tiêu cá nhân hết.

Nguyễn Hải V khai nhận: Khi thấy bà Đ có ý định chạy án cho Sơn, V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Đ nên đã bàn với C để cùng nhau chiếm đoạt tiền của bà Đ. Sau đó V đã bàn với Văn Ngọc L để chiếm đoạt tiền của bà Đ như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải V

mức án từ 05(năm) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Thế C đã bồi thường cho bà Trần Thị Đ số tiền là 7.500.000 đồng. Bà Đ không yêu cầu C phải bồi thường gì khác;

Bà Đ yêu cầu Nguyễn Hải V phải bồi thường cho bà Đ số tiền 145.000.000 đồng trong đó V đã đưa lại cho bà số tiền 13.000.000 đồng đến nay bà yêu cầu V phải bồi thường số tiền 132.000.000 đồng còn lại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng bị cáo V dùng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu khi bắt giữ bị cáo V là tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà Đ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Từ ngày 06/02/2023 đến ngày 18/3/2023 Nguyễn Hải V và Nguyễn Thế C đã dùng thủ đoạn gian dối để bà Trần Thị Đ có niềm tin là V có quan hệ với những người làm trong các cơ quan tiến hành tố tụng quận K và C là cán bộ Công an quận Kiến An để

chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 152.500.000 đồng của bà Trần Thị Đ. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " vi phạm Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Về định khung hình phạt:

[3] Ngày 07/02/2023 Nguyễn Thế C đã chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của bà Trần Thị Đ. Trước đó, vào ngày 06/02/2023 C cùng V chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của bà Đ, như vậy tổng số tiền C chiếm đoạt là 7.500.000 đồng nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vi phạm khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với Nguyễn Hải V vào ngày 06/02/2023 V đã cùng C chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của bà Đ. Sau đó vào các ngày 10/02/2023; 14/02/2023; 17/02/2023; 18/03/2023 V đã tự mình liên lạc với bà Đ để chiếm đoạt tổng số tiền 145.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Đ là 147.500.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “ chiếm đoạt số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[5] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong lần phạm tội đầu tiên các bị cáo cùng nhau chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong đó Nguyễn Hải V là người chủ động đưa ra đề nghị nhưng C lại là người thực hành tích cực. Do đó vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[6] Đối với những lần tiếp theo các bị cáo đều tự mình thực hiện hành vi phạm tội không có sự trao đổi, bàn bạc với nhau. Các bị cáo độc lập trong việc chiếm đoạt tài sản của bị hại nên mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần xét xử các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[8] Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện chiếm đoạt tài sản của bà Đ vào ngày 06/02/2023, sau đó bị cáo Nguyễn Thế C đã tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà Đ vào ngày 07/02/2023, Nguyễn Hải V còn tự mình thực hiện 03 lần hành vi lừa dối bà Đ để chiếm đoạt tài sản vào các ngày 10/02/2023; 14/02/2023; 17/02/2023; 18/3/2023 vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, về hành vi phạm tội của mình vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thế C đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đối với Nguyễn Thế C thực hiện với vai trò là người thực hành tích cực cùng V 01 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau đó C lại một mình thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bà Đ với số tiền là 5.000.000 đồng. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo đã có 02 tiền án mặc dù đến nay đều đã được xóa án tích nhưng qua đó cho thấy bị cáo có nhân thân xấu cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

[11] Đối với Nguyễn Hải V mặc dù nhân thân chưa tiền án tiền sự, nhưng bị cáo lại là người khởi xướng bàn bạc với C để C tự nhận là cán bộ Công an quận Kiến An từ đó làm cho bị hại tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của bị hại, sau đó bị cáo lại nhiều lần tự mình tiếp tục chiếm đoạt một số tiền rất lớn của bị hại nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án nghiêm như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là người lao động tự do không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[12] Đại diện gia đình Nguyễn Thế C đã bồi thường cho bà Trần Thị Đ số tiền 7.500.000 đồng, đến nay bà Đ không còn yêu cầu C phải bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Đối với Nguyễn Hải V đã chiếm đoạt tổng số tiền của bà Đ là 147.500.000 đồng, C đã bồi thường cho bà Đ 2.500.000 đồng C và V cùng chiếm đoạt, số tiền còn lại V đã đưa cho bà Đ 13.000.000 đồng đến nay bà Đ yêu cầu V phải bồi thường số tiền 132.000.000 đồng còn lại. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đ tổng số tiền: 132.000.000 (một trăm ba mươi hai triệu) đồng.

- Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân đang quản lý 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng có số IMEI

356018085691162 thu giữ của Nguyễn Hải V. Xét thấy vật chứng này liên quan đến việc phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của V là tiền do bị cáo chiếm đoạt của bị hại, đến nay bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy vật chứng này là tài sản do V chiếm đoạt của bị hại nên cần áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền trên và buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 122.000.000 đồng còn lại.

- Về án phí:

[14] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Hải V còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải V 05 (Năm) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế C (tức Càng) 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 356018085691162 thu giữ của bị cáo Nguyễn Hải V.

Trả lại bà Trần Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng.

(Theo đúng Biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân và theo Ủy nhiệm chi ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Công an quận Lê Chân chuyển tiền vào tài khoản số 3949.0.1012022.00000 của Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hải V phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 122.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Nguyễn Thế C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Hải V phải nộp 200.000 đồng(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.600.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Cơ quan THAHS CA quận Lê Chân;
- Sở tư pháp TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn Trường Sơn, An Lão, HP;
- UBND xã nam Hưng, huyện Tiên Lãng, HP
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Hải

